

V/v công bố thông tin và giải trình chỉ tiêu BCTC năm 2021 sau kiểm toán

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước;
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng xin công bố thông tin và giải trình chỉ tiêu BCTC năm 2021 sau kiểm toán như sau:

I. Công bố thông tin BCTC năm 2021 sau kiểm toán:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
 - Mã chứng khoán: HND
 - Trụ sở chính: thôn Đoàn, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, tp. Hải Phòng
 - Điện thoại: (0225) 3775 161 - Fax: (0225) 3775 162
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Dương Sơn Bá, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng:
- Loại công bố thông tin: Định kỳ
- Nội dung Công bố thông tin: Báo cáo tài chính năm 2021 sau kiểm toán.
- Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn ndhp.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật với nội dung trên.

II. Giải trình chỉ tiêu biến động của BCTC năm 2021 sau kiểm toán

- Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2021 thay đổi hơn 10% so với Báo cáo tài chính năm 2020. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 giảm so với năm 2020 là 1.014,37 tỷ đồng (tỷ lệ tỷ lệ giảm 69%), do một số nguyên nhân sau:
 - Các nguyên nhân làm tăng lợi nhuận trước thuế:
 - Giá vốn hàng bán: Năm 2021 giảm so với năm 2020 là 618,24 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí khấu hao giảm do một số TSCĐ đã hết khấu hao trong năm 2021.
 - Về doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính tăng 31,2 tỷ đồng chủ yếu do trong năm 2021 Công ty có lãi từ chênh lệch tỷ giá thực hiện và đánh giá lại cuối kỳ cao hơn cùng kỳ.
 - Về Chi phí tài chính: Chi phí lãi vay năm 2021 giảm so với năm 2020 là 115,2 tỷ đồng (do số dư nợ vay dài hạn giảm dần) làm lợi nhuận tăng lên 115,2 tỷ đồng. Chi phí chênh lệch tỷ giá năm 2021 giảm so với năm 2020 là 27 tỷ đồng do trong năm 2021 Công ty không phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 giảm so với năm 2020 là 22 tỷ đồng do khấu hao TSCĐ và một số khoản chi phí khác giảm.
- Nguyên nhân khác: thu nhập khác tăng lên 1,2 tỷ đồng, chi phí khác giảm đi 0,35.

**Tổng hợp các nguyên nhân làm tăng lợi nhuận trước thuế là 815,3 tỷ đồng.*

- Các nguyên nhân làm giảm lợi nhuận trước thuế:
 - Về doanh thu sản xuất điện: Doanh thu năm 2021 giảm so với năm 2020 là 1.873,7 tỷ đồng do giá điện cố định năm 2021 giảm so với năm 2020 và sản lượng điện hợp đồng Qc giao thấp hơn năm 2020.

**Tổng hợp các nguyên nhân làm giảm lợi nhuận trước thuế là 1.873,7 tỷ đồng.*

2. Tổng hợp các nguyên nhân làm tăng và giảm lợi nhuận trước thuế làm cho lợi nhuận trước thuế năm 2021 giảm so với năm 2020 là 1.058,39 tỷ đồng. Chi phí thuế TNDN năm 2021 giảm so với năm 2020 là 44,02 tỷ đồng (do LN trước thuế 2021 thấp hơn 2020). Do đó lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 giảm so với năm 2020 là 1.014,37 tỷ đồng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (bản giấy);
- HCLĐ (đăng Website C.ty);
- Lưu: VT, TCKT.



Dương Sơn Bá



KPMG'S COPY

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0203000279

ngày 17 tháng 9 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200493225 ngày 1 tháng 7 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tạ Công Hoan	Chủ tịch
Ông Lê Văn Chính	Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Ngọc Nam	Thành viên
Ông Dương Sơn Bá	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Chu Thế Hoàng	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Ngô Minh Quân	Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Thường Quang	Thành viên (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Dung	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trương Văn Thời	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Ngọc Bảo Yến	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Bà Huỳnh Thị Phương Khanh	Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)
Ông Trần Anh Duy	Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Dương Sơn Bá	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2021)
Ông Nguyễn Thường Quang	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Dương Sơn Bá	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Lê Anh Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Dương Sơn Bá	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2021)
Ông Nguyễn Thường Quang	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)

Trụ sở đăng ký

Thôn Đoan, Xã Tam Hưng
Huyện Thủy Nguyên
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN
HẢI PHÒNG**

Dương Sơn Bá
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00333-22-1




Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.966.326.810.252	4.200.773.644.959
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	568.241.225.180	1.476.544.957.452
Tiền	111		18.241.225.180	16.544.957.452
Các khoản tương đương tiền	112		550.000.000.000	1.460.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	70.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.766.118.562.114	1.972.317.525.641
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.700.113.068.826	1.954.656.158.963
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	51.020.847.909	464.802.719
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	14.984.645.379	17.740.886.737
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(544.322.778)
Hàng tồn kho	140	10	560.067.490.089	745.423.558.945
Hàng tồn kho	141		560.067.490.089	745.423.558.945
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.899.532.869	6.487.602.921
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		627.534.754	2.645.085.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.271.998.115	3.842.517.921
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.735.597.021.145	7.009.776.689.141
Tài sản cố định	220		5.528.207.510.138	6.786.047.498.422
Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.526.451.187.474	6.784.696.286.493
<i>Nguyên giá</i>	222		22.125.917.998.980	22.083.494.486.346
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.599.466.811.506)	(15.298.798.199.853)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.756.322.664	1.351.211.929
<i>Nguyên giá</i>	228		4.542.963.724	3.507.063.724
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.786.641.060)	(2.155.851.795)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.269.692.382	12.187.285.179
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	6.269.692.382	12.187.285.179
Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	500.000.000	500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		200.619.818.625	211.041.905.540
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	126.029.698.235	134.351.678.323
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		74.590.120.390	76.690.227.217
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.701.923.831.397	11.210.550.334.100

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.475.731.954.180	4.261.525.941.169
Nợ ngắn hạn	310		1.327.979.436.070	2.258.754.109.348
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	340.474.143.698	506.114.501.311
Người mua trả tiền trước	312		45.995.251	45.995.251
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	13.449.427.575	17.704.712.638
Phải trả người lao động	314		31.448.652.900	63.935.604.438
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	28.026.395.207	58.658.375.869
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	68.988.649.433	146.202.468.912
Vay ngắn hạn	320	20(a)	820.129.317.939	1.440.287.631.269
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	25.416.854.067	25.804.819.660
Nợ dài hạn	330		1.147.752.518.110	2.002.771.831.821
Vay dài hạn	338	20(b)	1.137.212.587.517	1.989.171.831.821
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		10.539.930.593	13.600.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		6.226.191.877.217	6.949.024.392.931
Vốn chủ sở hữu	410	22	6.226.191.877.217	6.949.024.392.931
Vốn cổ phần	411	23	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		196.652.770.150	196.652.770.150
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.813.900.000	3.033.280.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		570.293.306.781	130.560.492.706
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		455.431.900.286	1.618.777.850.075
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		-	273.973.558.197
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		455.431.900.286	1.344.804.291.878
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.701.923.831.397	11.210.550.334.100

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phùng Đức Tuyên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Phạm Quốc Toàn
Kế toán trưởng

Dương Sơn Bá
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	9.026.539.894.518	10.900.258.405.639
Giá vốn hàng bán	11	27	8.370.242.756.970	8.988.480.277.828
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		656.297.137.548	1.911.778.127.811
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	75.102.867.041	43.909.611.301
Chi phí tài chính	22	29	153.110.280.727	295.344.626.741
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>153.110.280.727</i>	<i>268.329.161.705</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	97.778.383.618	119.852.558.512
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		480.511.340.244	1.540.490.553.859
Thu nhập khác	31		4.972.709.592	3.729.754.284
Chi phí khác	32		5.826.097.892	6.172.786.159
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(853.388.300)	(2.443.031.875)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		479.657.951.944	1.538.047.521.984
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	24.226.051.658	68.243.230.106
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		455.431.900.286	1.469.804.291.878
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	911	2.940

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phùng Đức Tuyên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Quốc Toàn
Kế toán trưởng

Dương Sơn Bá
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		479.657.951.944	1.538.047.521.984
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.299.686.357.023	1.777.873.635.148
Các khoản dự phòng	03		(544.322.778)	(115.907.000)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(31.826.742.575)	12.284.480.479
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(21.529.559.958)	(40.664.672.246)
Chi phí lãi vay	06		153.110.280.727	268.329.161.705
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.878.553.964.383	3.555.754.220.070
Biến động các khoản phải thu	09		(1.204.868.680.130)	(1.734.024.675.398)
Biến động hàng tồn kho	10		174.526.175.683	(149.993.813.120)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(221.411.421.979)	71.211.004.600
Biến động chi phí trả trước	12		10.339.530.334	6.876.909.465
			637.139.568.291	1.749.823.645.617
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.309.691.643)	(25.553.381.347)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.485.169.524)	(76.012.913.430)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		102.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(89.982.902.135)	(45.609.994.726)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		498.463.804.989	1.602.647.356.114
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(28.814.482.580)	(14.266.162.745)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	184.000.000
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn	23		(70.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		24.435.532.561	39.313.932.519
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(74.378.950.019)	25.231.769.774

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	278.050.282.048
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(184.267.259.508)	(498.050.282.048)
Tiền chi trả cổ tức	36		(1.148.118.143.944)	(709.883.964.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.332.385.403.452)	(929.883.964.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(908.300.548.482)	697.995.161.188
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.476.544.957.452	778.548.300.978
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(3.183.790)	1.495.286
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	568.241.225.180	1.476.544.957.452

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phùng Đức Tuyên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Quốc Toàn
Kế toán trưởng

Dương Sơn Bá
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 5 tháng 10 năm 2016, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là HND.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 848 nhân viên (1/1/2021: 855 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công trình xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo hướng dẫn tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 15 năm
▪ tài sản khác	10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(ii) Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm phần mềm tổng đài thông tin nội bộ nhà máy, phần mềm kết nối và truyền dẫn cơ sở dữ liệu, được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(ii) Sửa chữa lớn tài sản cố định

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền chi đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí khôi phục hiện trường

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

(l) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

(m) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	117.015.458	122.678.441
Tiền gửi ngân hàng	18.124.209.722	16.422.279.011
Các khoản tương đương tiền	550.000.000.000	1.460.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	568.241.225.180	1.476.544.957.452

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm là từ 3% đến 3,7% (1/1/2021: 3% đến 5,2%).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	70.000.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm là 3,7%.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	1.697.338.224.897	1.948.972.823.599
<i>Các bên thứ ba</i>		
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng (ii)	2.079.945.205	4.985.917.808
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hưng Ngọc	153.674.500	206.552.000
Công ty TNHH My Sơn	180.768.500	251.753.000
Công ty TNHH Global Link Thăng Long	134.642.000	57.953.000
Các khách hàng khác	225.813.724	181.159.556
	1.700.113.068.826	1.954.656.158.963
	1.700.113.068.826	1.954.656.158.963

- (i) Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời gian thu hồi là 23 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (ii) Dự thu lãi tiền gửi được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN.

8. Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đan Ka	41.558.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	9.462.847.909	464.802.719
	51.020.847.909	464.802.719
	51.020.847.909	464.802.719

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	10.604.244.123	7.858.503.464
Phải thu chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (i)	-	5.997.047.596
Các khoản phải thu khác	4.380.401.256	3.885.335.677
	14.984.645.379	17.740.886.737

- (i) Số dư này phản ánh khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng trong giai đoạn đầu tư được phép bù trừ với tiền thuê đất hàng năm theo hướng dẫn tại Văn bản số 104/CT-QLTTĐ ngày 20/1/2014 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng.

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021	1/1/2021
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Nguyên vật liệu	538.196.220.121	730.710.788.451
Công cụ và dụng cụ	21.871.269.968	14.248.707.308
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	464.063.186
	560.067.490.089	745.423.558.945

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.362.709.171.043	10.941.670.275.727	224.501.747.951	553.484.591.377	1.128.700.248	22.083.494.486.346
Tăng trong năm	6.796.562.716	3.666.405.000	401.805.347	2.327.897.202	190.692.500	13.383.362.765
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở sang	12.681.269.869	-	3.428.880.000	-	-	16.110.149.869
Chuyển từ thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	12.930.000.000	-	-	-	12.930.000.000
Số dư cuối năm	10.382.187.003.628	10.958.266.680.727	228.332.433.298	555.812.488.579	1.319.392.748	22.125.917.998.980
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.326.792.398.522	8.346.747.116.720	217.090.029.228	407.244.706.882	923.948.501	15.298.798.199.853
Khấu hao trong năm	531.652.549.335	744.815.462.442	4.654.595.696	19.390.701.729	155.302.451	1.300.668.611.653
Số dư cuối năm	6.858.444.947.857	9.091.562.579.162	221.744.624.924	426.635.408.611	1.079.250.952	16.599.466.811.506
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	4.035.916.772.521	2.594.923.159.007	7.411.718.723	146.239.884.495	204.751.747	6.784.696.286.493
Số dư cuối năm	3.523.742.055.771	1.866.704.101.565	6.587.808.374	129.177.079.968	240.141.796	5.526.451.187.474

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 6.132 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 677 tỷ VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 20(b), các tài sản hình thành từ vốn vay của các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm và các khoản vay lại từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.968.956.847	1.538.106.877	3.507.063.724
Tăng trong năm	1.035.900.000	-	1.035.900.000
Số dư cuối năm	3.004.856.847	1.538.106.877	4.542.963.724
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.336.309.285	819.542.510	2.155.851.795
Khấu hao trong năm	514.633.537	116.155.728	630.789.265
Số dư cuối năm	1.850.942.822	935.698.238	2.786.641.060
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	632.647.562	718.564.367	1.351.211.929
Số dư cuối năm	1.153.914.025	602.408.639	1.756.322.664

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 1.506 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 1.506 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.187.285.179	230.935.272.907
Tăng trong năm	218.483.071.384	296.062.591.837
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>10.192.557.072</i>	<i>8.483.580.891</i>
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<i>208.290.514.312</i>	<i>287.579.010.946</i>
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(16.110.149.869)	-
Quyết toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	(208.290.514.312)	(514.810.579.565)
Số dư cuối năm	6.269.692.382	12.187.285.179

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải	5.625.091.910	5.625.091.910
Các công trình khác	644.600.472	6.562.193.269
Số dư cuối năm	6.269.692.382	12.187.285.179

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Địa chỉ	Số lượng cổ phần	31/12/2021		1/1/2021		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
		Giá gốc VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết								
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	50.000	500.000.000	0,42%	500.000.000	-	500.000.000	-	(*)	50.000	0,42%	500.000.000	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	809.793.550	133.541.884.773	134.351.678.323
Tăng trong năm	-	75.492.142	75.492.142
Phân bổ trong năm	(677.641.044)	(7.719.831.186)	(8.397.472.230)
Phân loại lại	(132.152.506)	132.152.506	-
Số dư cuối năm	-	126.029.698.235	126.029.698.235

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.083.039.552	-
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)	-	96.585.339
Các bên liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	1.386.000.099	2.838.845.923
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1	-	1.038.733.360
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	-	230.569.510
Các bên thứ ba khác		
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	251.283.338.809	330.805.276.778
Tổng Công ty Đông Bắc	30.116.759.320	-
Công ty Cổ phần Việt Long	3.311.133.392	8.613.927.957
Viện nghiên cứu Cơ khí	2.323.426.017	18.043.100.075
Công ty CP Vật tư & Thiết bị Công nghiệp	1.376.237.126	10.840.536.685
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	2.288.107.888	46.498.792.739
Các nhà cung cấp khác	46.306.101.495	87.108.132.945
	340.474.143.698	506.114.501.311

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/cần trừ VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	909.910.938.501	(909.910.938.501)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.766.744.271	24.226.051.658	(29.485.169.524)	4.507.626.405
Thuế thu nhập cá nhân	355.947.167	3.295.684.304	(3.473.696.581)	177.934.890
Thuế tài nguyên	7.582.021.200	94.333.805.280	(93.151.960.200)	8.763.866.280
Các loại thuế khác	-	18.034.910.380	(18.034.910.380)	-
	<u>17.704.712.638</u>	<u>1.049.801.390.123</u>	<u>(1.054.056.675.186)</u>	<u>13.449.427.575</u>

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	22.742.490.965	44.198.043.758
Chi phí khác	5.283.904.242	14.460.332.111
	<u>28.026.395.207</u>	<u>58.658.375.869</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	1.701.040.103	62.319.184.047
Thuế giá trị gia tăng doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn	-	82.401.333.633
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	65.418.876.676	288.730.677
Kinh phí công đoàn	160.012.242	136.136.644
Bảo hiểm xã hội	826.241.627	133.239.283
Các khoản phải trả khác	882.478.785	923.844.628
	<u>68.988.649.433</u>	<u>146.202.468.912</u>

Khoản phải trả phi thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Vay dài hạn đến hạn trả VND
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 1/1/2021	1.440.287.631.269
Biến động trong năm:	
Tăng:	
- Chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	820.129.317.939
Giảm:	
Thanh toán các khoản nợ gốc vay	(1.440.287.631.269)
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 31/12/2021	820.129.317.939

(b) Vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	1.957.341.905.456	3.429.459.463.090
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(820.129.317.939)	(1.440.287.631.269)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.137.212.587.517	1.989.171.831.821

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mẹ cấp cao nhất					
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2021	5,78%	-	360.121.111.666
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2024	6,07%	1.895.354.312.223	2.687.648.800.007
▪ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2021	3,91%	-	73.416.023.506
▪ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2022	4,41%	61.987.593.233	208.273.527.911
Vay từ các tổ chức tín dụng					
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	2022	Lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau + 2,8%	-	100.000.000.000
				1.957.341.905.456	3.429.459.463.090

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 05135 với tổng giá trị khoản vay 278.034.200 USD cộng 85% giá trị phí bảo hiểm tín dụng xuất khẩu của Công ty Bảo hiểm Tín dụng Xuất khẩu Trung Quốc. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Thời hạn vay là 166 tháng, thời gian ân hạn là 46 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 5,08%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 1 năm 2012.
- (ii) Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 0701 với tổng giá trị khoản vay 327.182.260 USD. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 5,62%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 4 năm 2015.
- (iii) Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.740.469.321 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Khoản vay chịu lãi suất 1,76%/năm, phí cam kết khoản vay 0,1%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,45%/năm và 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 8 năm 2009.
- (iv) Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.319.484.004 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 2,44%/năm, phí cam kết khoản vay 0,04%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,52%/năm và 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.
- (v) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 9 năm 2009 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 900 tỷ VND, được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Thời gian ân hạn là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 120 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2013. Nợ gốc vay được hoàn trả trong 20 kỳ bán niên.

Các khoản vay (ii), (iv) và (v) được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 11).

Các khoản vay (i) và (iii) không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	25.804.819.660	28.040.485.773
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	90.764.416.000	44.968.885.250
Nhận từ Tổng Công ty Phát điện 2, công ty mẹ	102.000.000	-
Nhận từ nguồn quỹ khác	341.564.437	-
Sử dụng trong năm	(89.982.902.135)	(45.609.994.726)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong năm	(1.613.043.895)	(1.594.556.637)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	25.416.854.067	25.804.819.660

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	5.000.000.000.000	196.652.770.150	158.280.000	63.435.492.706	938.942.443.447	6.199.188.986.303
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.469.804.291.878	1.469.804.291.878
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	70.000.000.000	(70.000.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(44.968.885.250)	(44.968.885.250)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(675.000.000.000)	(675.000.000.000)
Điều chuyển nguồn vốn	-	-	2.875.000.000	(2.875.000.000)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	5.000.000.000.000	196.652.770.150	3.033.280.000	130.560.492.706	1.618.777.850.075	6.949.024.392.931
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	455.431.900.286	455.431.900.286
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	440.513.434.075	(440.513.434.075)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(90.764.416.000)	(90.764.416.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(1.087.500.000.000)	(1.087.500.000.000)
Điều chuyển nguồn vốn	-	-	780.620.000	(780.620.000)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5.000.000.000.000	196.652.770.150	3.813.900.000	570.293.306.781	455.431.900.286	6.226.191.877.217

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)	255.000.000	2.550.000.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	129.850.000	1.298.500.000.000	25,97%
Các cổ đông khác	115.150.000	1.151.500.000.000	23,03%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên), được thành lập tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 1.212.500 triệu VND (tương đương 2.425 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020, trong đó có khoản cổ tức 125.000 triệu VND (tương đương 250 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: phân phối khoản cổ tức 800.000 triệu VND (tương đương 1.600 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019, trong đó có khoản cổ tức 250.000 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê

Cam kết thuê chủ yếu liên quan đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn thuê 50 năm ký với Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.763.043.899	10.607.800.000
Từ hai đến năm năm	55.052.175.596	42.431.200.000
Sau năm năm	298.342.555.185	242.840.667.047
	367.157.774.680	295.879.667.047
	367.157.774.680	295.879.667.047

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	59	1.352.968	59	1.370.381
JPY	129.876	26.398.596	129.876	29.564.973
		27.751.564		30.935.354
		27.751.564		30.935.354

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm xóa sổ	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thị Trấn Minh Đức	2021	544.322.778	-

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND	
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (*)	1.428.128.030.805	1.428.128.030.805	

(*) Các khoản cam kết chi tiêu vốn của Công ty chủ yếu đến từ dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải của nhà máy nhiệt điện Hải Phòng.

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2021 VND	2020 VND	
Tổng doanh thu			
▪ Doanh thu bán điện	9.020.286.757.147	10.892.426.983.900	
▪ Doanh thu bán tro xỉ và doanh thu khác	6.253.137.371	7.831.421.739	
		9.026.539.894.518	10.900.258.405.639

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Giá vốn hàng bán

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	6.473.782.763.785	6.523.217.239.764
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.289.719.359.955	1.766.956.788.586
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	208.290.514.312	287.579.010.946
Chi phí nhân công	171.909.824.886	192.402.989.528
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	52.310.566.400	57.884.597.192
Chi phí thuế, phí và lệ phí	103.304.513.280	101.518.878.000
Chi phí khác	70.925.214.352	58.920.773.812
	8.370.242.756.970	8.988.480.277.828

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	21.469.559.958	40.480.672.246
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	31.826.742.575	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	21.746.564.508	3.428.939.055
Thu nhập cổ tức	60.000.000	-
	75.102.867.041	43.909.611.301

29. Chi phí tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	153.110.280.727	268.329.161.705
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	12.284.480.479
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	-	14.730.984.557
	153.110.280.727	295.344.626.741

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí đào tạo	4.108.222.322	3.851.942.075
Chi phí thuế, phí và lệ phí	30.400.449.646	35.377.425.801
Chi phí nhân viên	26.168.501.909	28.879.905.511
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.963.262.462	7.650.895.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.581.850.132	9.082.998.108
Chi phí khác	22.556.097.147	35.009.391.893
	97.778.383.618	119.852.558.512

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	6.475.517.363.294	6.524.879.004.014
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.296.682.622.417	1.774.607.683.710
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	208.290.514.312	287.579.010.946
Chi phí nhân công và nhân viên	198.078.326.795	221.282.895.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.892.416.532	66.967.595.300
Chi phí thuế, phí và lệ phí	133.704.962.926	136.896.303.801
Chi phí khác	95.854.934.312	96.120.343.530

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	24.227.285.007	69.765.413.158
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.233.349)	(1.522.183.052)
	24.226.051.658	68.243.230.106

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	479.657.951.944	1.538.047.521.984
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	47.965.795.194	153.804.752.198
Chi phí không được khấu trừ thuế	52.408.837	276.679.272
Biến động của chênh lệch tạm thời	436.365.983	(14.550.605.154)
Ưu đãi thuế	(24.227.285.007)	(69.765.413.158)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.233.349)	(1.522.183.052)
	24.226.051.658	68.243.230.106

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất ưu đãi là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ khi Công ty có doanh thu từ hoạt động sản xuất điện (từ năm 2011 đến năm 2025) và mức thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	455.431.900.286	1.469.804.291.878
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	455.431.900.286	1.469.804.291.878
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	455.431.900.286	1.469.804.291.878

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021	2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	500.000.000	500.000.000

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021	2020
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	1.256.020.371.761	1.760.333.587.131
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	155.256.141.877	276.709.582.081
Chi phí lãi vay và phí vay lại của các khoản vay	163.512.133.131	262.081.769.673
Phí bảo lãnh khoản vay dài hạn	7.780.348.921	14.627.812.408
Mua điện	24.921.127.589	26.930.208.202
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)		
Chia cổ tức	554.625.000.000	344.250.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại		
Chia cổ tức	282.423.750.000	175.297.500.000
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	9.020.286.757.147	10.892.426.983.900
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin		
Mua dịch vụ công nghệ thông tin	367.858.166	398.528.124
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Mua dịch vụ	1.400.050.605	3.147.680.602
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc		
Mua dịch vụ	651.203.000	230.569.510
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Chia cổ tức	21.750.000.000	13.500.000.000
Nhà khách Điện lực Miền Bắc - Công ty Điện lực Thanh Hóa		
Mua dịch vụ	-	122.694.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Chi phí dịch vụ	-	148.020.633

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2021	2020
	VND	VND
Tiền lương, thưởng và thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Tạ Công Hoan	586.500.000	574.560.000
Ông Lê Văn Chính	94.575.000	42.000.000
Ông Lê Minh Tuấn	454.533.000	11.868.000
Ông Lê Ngọc Nam	110.700.000	112.800.000
Ông Dương Sơn Bá (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	117.000.000	-
Ông Chu Thế Hoàng (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	49.500.000	-
Ông Ngô Minh Quân (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)	45.075.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đức Luyện (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)	61.200.000	112.800.000
Ông Nguyễn Thường Quang (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)	82.800.000	72.000.000
Ông Nguyễn Trâm (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 5 tháng 6 năm 2020)	16.125.000	76.800.000
Ông Nguyễn Văn Quyên (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 5 tháng 6 năm 2020)	16.125.000	70.800.000
Ông Nguyễn Minh Thành (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 18 tháng 12 năm 2020)	35.475.000	82.200.000
Tổng Giám đốc		
Ông Dương Sơn Bá (là Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 7 năm 2021)	428.154.000	-
Ông Nguyễn Thường Quang (là Tổng Giám đốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)	259.380.000	548.400.000
Thành viên khác của Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	850.213.000	571.135.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	616.097.000	660.220.000

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	1.256.020.371.761	1.760.333.587.131
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	155.256.141.877	276.709.582.081

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phùng Đức Tuyên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Quốc Toàn
Kế toán trưởng

Đương Sơn Bá
Tổng Giám đốc

